

BỘ XÂY DỰNG
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2010/TT-BXD

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2010

THÔNG TƯ**HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH CHI PHÍ LẬP VÀ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ**

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị;
Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị như sau:

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn việc xác định chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị.
2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để lập, thẩm định đề án phân loại đô thị áp dụng các hướng dẫn tại Thông tư này để xác định và quản lý chi phí.

Điều 2. Nguyên tắc xác định chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị

1. Chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư này.
2. Chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị được xác định phù hợp với đối tượng thực hiện các công việc này.
3. Việc quản lý chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị phải tuân thủ các quy định có liên quan đến việc quản lý nguồn vốn ngân sách của Nhà nước.

Chương II**XÁC ĐỊNH CHI PHÍ LẬP VÀ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ****Điều 3. Nội dung công việc lập đề án phân loại đô thị**

1. Việc lập đề án phân loại đô thị bao gồm các công việc chủ yếu sau:
a/ Khảo sát, thu thập, mua tài liệu, số liệu, bản đồ các loại phục vụ việc lập đề án phân loại đô thị;

b/ Lập đề án phân loại đô thị.

2. Nội dung công việc lập đề án phân loại đô thị theo hướng dẫn tại Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị.

Điều 4. Xác định dự toán chi phí lập đề án phân loại đô thị

1. Dự toán chi phí lập đề án phân loại đô thị bao gồm:

a/ Chi phí khảo sát, thu thập, mua tài liệu, số liệu, bản đồ các loại phục vụ việc lập đề án phân loại đô thị;

b/ Chi phí lập đề án phân loại đô thị;

c/ Chi phí tổ chức các hội thảo, hội nghị có liên quan trong quá trình lập đề án phân loại đô thị;

d/ Chi phí vật tư, văn phòng phẩm, khấu hao máy móc thiết bị, các khoản mục chi phí khác (nếu có) phục vụ việc lập đề án phân loại đô thị;

đ/ Chi phí dựng video hoặc đĩa hình về tình hình phát triển đô thị đề nghị xếp loại;

e/ Chi phí quản lý, lợi nhuận và các khoản thuế phải nộp (trường hợp thuê tổ chức tư vấn lập đề án phân loại đô thị).

2. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn lập đề án phân loại đô thị thì tổ chức tư vấn có trách nhiệm lập dự toán chi phí nhưng tối đa không quá 20% của chi phí lập đề án quy hoạch chung cho loại đô thị tương ứng. Chi tiết cách xác định dự toán chi phí lập đề án phân loại đô thị trong phụ lục kèm theo Thông tư này. Nếu chi phí đi lại phục vụ việc lập đề án phân loại đô thị tại các đô thị không đủ (trường hợp thuê tư vấn) thì được bổ sung chi phí này theo chi phí thực tế.

3. Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc lập đề án phân loại đô thị thì chi phí được xác định bằng dự toán; trong đó bao gồm chi thu thập số liệu, chi phí để chi trả thù lao cho các chuyên gia của cơ quan quản lý nhà nước thực hiện lập đề án theo chế độ kiêm nhiệm; chi phí hội họp.

Điều 5. Xác định chi phí thẩm định đề án phân loại đô thị

1. Dự toán chi phí thẩm định đề án phân loại đô thị bao gồm chi phí để chi trả thù lao cho các chuyên gia của các cơ quan quản lý các cấp tham gia thẩm định đề án; chi phí văn phòng phẩm; chi phí hội họp và một số khoản chi phí khác (nếu có) phục vụ công tác thẩm định đề án.

2. Chi phí thẩm định bằng 5% của chi phí lập đề án phân loại đô thị tương ứng.

Chương III

QUẢN LÝ CHI PHÍ LẬP VÀ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ

Điều 6. Quản lý chi phí lập đề án phân loại đô thị

1. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lập kế hoạch vốn cho công tác lập đề án phân loại đô thị trong địa giới do mình quản lý theo quy định hiện hành. Vốn để thực hiện các công việc nói trên được sử dụng từ nguồn vốn ngân sách của địa phương.

2. Chi phí thuê tư vấn lập đề án phân loại đô thị được quản lý thông qua hợp đồng tư vấn lập đề án phân loại đô thị. Hợp đồng tư vấn lập đề án phân loại đô thị được xác định trên cơ sở kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn, đàm phán, ký kết hợp đồng giữa cơ quan quản lý việc lập đề án với nhà thầu tư vấn lập đề án phân loại đô thị. Nội dung hợp đồng tư vấn lập đề án phân loại đô thị phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng có liên quan; trong đó cần phải làm rõ quy định về giá của hợp đồng, số lần tạm ứng, thanh toán hợp đồng và sản phẩm cần phải hoàn thành.

3. Cơ quan quản lý việc lập đề án phân loại đô thị chịu trách nhiệm quản lý chi phí lập đề án phân loại đô thị theo các quy định có liên quan.

Điều 7. Quản lý chi phí thẩm định đề án phân loại đô thị

1. Chi phí thẩm định đề án phân loại đô thị được quản lý theo dự toán chi phí được duyệt.
2. Việc thanh toán chi phí thẩm định đề án phân loại đô thị dựa trên cơ sở nội dung công việc thẩm định đề án và dự toán chi phí được duyệt.

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí

1. Đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, đô thị loại II và đô thị có tính chất đặc thù: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự toán chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị.
2. Đối với các đô thị còn lại: Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự toán chi phí lập và thẩm định đề án phân loại đô thị.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Xử lý chuyển tiếp

1. Những công việc lập đề án phân loại đô thị đã thực hiện theo hợp đồng trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này thì thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.
2. Trường hợp công việc lập đề án phân loại đô thị đang đàm phán, chưa ký kết hợp đồng lập đề án phân loại đô thị thì áp dụng theo các quy định tại Thông tư này để xác định và quản lý chi phí.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 07/02/2011.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để nghiên cứu giải quyết.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG****Nơi nhận:**

- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VP, PC, Vụ KTXD, Viện KTXD (Kh.250).

Trần Văn Sơn**PHỤ LỤC**

HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP ĐỀ ÁN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2010/TT-BXD ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Bộ Xây dựng)

1. Nội dung dự toán chi phí lập đề án phân loại đô thị

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu:			Cks
1.1	Chi phí đi lại	Số lượng chuyên gia và chi phí phương tiện đi lại		
1.2	Chi phí lưu trú	Số lượng chuyên gia, thời gian lưu trú và chế độ lưu trú		
2	Chi phí lập đề án phân loại đô thị	Ngày công của từng loại chuyên gia và mức tiền lương của từng loại chuyên gia		Cđá
3	Chi phí khác:			Ck
3.1	Chi phí hội nghị, hội thảo	Chi phí thuê hội trường, số lượng đại biểu và chế độ tài chính liên quan		

3.2	Chi phí văn phòng phẩm: giấy, mực, bút ...	Số lượng x đơn giá		
3.3	Chi phí khấu hao thiết bị	Theo qui định		
3.4	Chi phí đi lại báo cáo kết quả	Số lượt đi lại và chi phí phương tiện		
3.5	Chi phí quay video hoặc đĩa hình (nếu có)			
3.6	Các khoản mục chi phí khác (nếu có)			
4	Chi phí quản lý	45% - 55% *(Cđã)		Cql
5	Thu nhập chịu thuế tính trước	6% x (Cks+Cđã+Ck+Cql)		TN
6	Thuế giá trị gia tăng	% x (Cks+Cđã+Ck+Cql+TN)		VAT
	Tổng cộng	Cks+Cđã+Ck+Cql+TN+VAT		Ctv

2. Cách xác định các thành phần chi phí:

2.1 Chi phí khảo sát hiện trường, thu thập số liệu, tài liệu và bản đồ các loại:

a) Chi phí đi lại: xác định trên cơ sở cự ly, loại phương tiện, thời gian đi lại và giá thuê phương tiện đi lại tương ứng.

b) Chi phí lưu trú: xác định theo số lượng chuyên gia, thời gian lưu trú và phụ cấp lưu trú theo qui định

c) Chi phí mua tài liệu, số liệu: số lượng tài liệu, số liệu cần thu thập, cần mua và giá tương ứng.

2.2 Xác định ngày công và tiền lương chuyên gia:

a) Ngày công chuyên gia (gồm các kỹ sư, kiến trúc sư, chuyên gia, kỹ thuật viên...) được xác định theo yêu cầu cụ thể của từng loại công việc lập đề cương nhiệm vụ, lập đề án phân loại đô thị, yêu cầu về tiến độ thực hiện công việc, trình độ chuyên môn của từng loại chuyên gia tham gia công việc tương ứng. Việc dự kiến số lượng, loại chuyên gia và thời gian thực hiện của từng chuyên gia phải được thể hiện trong đề cương nhiệm vụ thực hiện công việc lập đề án phân loại đô thị.

b) Tiền lương chuyên gia bao gồm lương cơ bản, chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các loại phụ cấp tiền lương khác (nếu có) và được xác định như sau:

- Trường hợp chưa xác định được tổ chức tư vấn: căn cứ mức tiền lương bình quân của chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn do Nhà nước quy định hoặc công bố.

- Trường hợp đã xác định được tổ chức tư vấn cụ thể: căn cứ mức tiền lương thực tế của chuyên gia trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được xác nhận của cơ quan thuế, cơ quan tài chính cấp trên hoặc các hợp đồng tương tự đã thực hiện trong năm gần nhất của tổ chức tư vấn đó và mức trượt giá hàng năm để tính toán.

2.3 Chi phí khác: chi phí văn phòng phẩm; chi phí khấu hao thiết bị; chi phí hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác (nếu có).

+ Chi phí hội nghị, hội thảo: căn cứ vào nhu cầu thực tế của công việc để tổ chức hội nghị, hội thảo theo quy định hiện hành.

+ Chi phí văn phòng phẩm: căn cứ vào nhu cầu thực tế của công việc lập đề án phân loại đô thị để xác định số lượng văn phòng phẩm cần thiết để thực hiện và giá văn phòng phẩm các loại trên thị trường.

+ Chi phí khấu hao thiết bị: căn cứ vào nhu cầu, số lượng thiết bị, thời gian sử dụng thiết bị cần thiết để thực hiện công việc và giá thiết bị phổ biến trên thị trường.

+ Chi phí quay video (nếu có): xác định theo mặt bằng giá thị trường.

+ Các khoản chi phí khác (nếu có).

2.4 Xác định chi phí quản lý: chi phí quản lý là khoản chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn, chi phí văn phòng làm việc và chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của chuyên gia tư vấn... Chi phí quản lý xác định bằng khoảng từ 45% đến 55% của chi phí lập đề án phân loại đô thị và chương trình phát triển đô thị.

2.5 Thu nhập chịu thuế tính trước (TN): xác định bằng 6% của (Chi phí chuyên gia + Chi phí quản lý + Chi phí khác).

2.6 Thuế giá trị gia tăng (VAT): xác định theo quy định.